

cường quản lý lao động chấn chỉnh công tác quản lý kinh tế và không gây khó khăn cho việc cải tiến tiền lương sau này.

Theo tinh thần trên, Bộ Lao động đề nghị các ngành quản lý sản xuất kiểm tra việc thực hiện đúng các yêu cầu của nghị quyết số 137-CP. Trong thông tư này, Bộ Lao động hướng dẫn việc thực hiện phụ cấp từ 5 đến 10% trên mức lương nóng, độc hại cho công nhân làm việc ở những nơi nóng, độc hại thuộc các ngành luyện kim hóa chất, cơ khí, điện và một số bộ phận lao động đặc biệt nóng, độc hại, thuộc các ngành khác (phần II, mục A, điểm 2 của nghị quyết số 137-CP) như sau :

### 1. Mức phụ cấp cho những công việc ở những nơi nóng, độc hại trong các ngành nghề.

Căn cứ vào mức độ nóng, độc hại của các ngành, nghề và các mức lương nóng, độc hại của các thang lương hiện hành, *khổn phụ cấp này định thành ba mức* : 5%, 8% và 10% để áp dụng cho các công việc làm ở những nơi nóng, độc hại và đặc biệt nóng, độc hại :

#### a) Mức phụ cấp 10% :

— Áp dụng cho những công việc thuộc ngành luyện kim xếp theo mức lương *đặc biệt nóng, độc hại của thang lương luyện kim* (bậc 1 = 48 đ ; bậc 7 = 120 đ).

— Áp dụng cho những công việc thuộc ngành hóa chất xếp theo mức lương *đặc biệt nóng, độc hại của thang lương hóa chất* (bậc 1 = 46đ bậc 7 = 115đ).

#### b) Mức phụ cấp 8% :

— Áp dụng cho những công việc thuộc ngành luyện kim xếp theo mức lương *nóng, độc hại của thang lương luyện kim* (bậc 1 = 44đ ; bậc 7 = 110đ).

— Áp dụng cho những công việc thuộc ngành hóa chất xếp theo mức lương *nóng, độc hại của thang lương hóa chất* (bậc 1 = 42đ, bậc 7 = 105đ).

#### c) Mức phụ cấp 5% :

Áp dụng cho những công việc đã xếp theo mức lương *nóng, độc hại* của các thang lương còn lại (trừ hai thang lương luyện kim và hóa chất nói trên) thuộc các ngành khác như cơ khí, điện, vật liệu xây dựng, v.v..

### 2. Cách tính phụ cấp :

a) *Khổn phụ cấp này chỉ được tính theo ngày làm việc* trực tiếp những công việc nóng, độc hại theo cách tính của thông tư số 20-LĐ/TT ngày 1-8-1960 (phần II) và được tính vào đơn giá nếu trả lương theo sản phẩm. Tất cả những trường hợp ngừng việc, nghỉ việc vì bất cứ lý do nào đều không được hưởng phụ cấp.

b) Những ngành, nghề mà thang lương hoặc bảng lương không quy định mức lương nóng, độc hại và những công việc chưa được xét duyệt chính thức hưởng mức lương nóng, độc hại theo quy định tại thông tư 20-LĐ/TT ngày 1-8-1960 và các văn bản xét duyệt, bổ sung đối tượng hưởng mức lương nóng, độc hại kế tiếp của Bộ Lao động thì không được hưởng phụ cấp này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1974.

Căn cứ quy định trong thông tư này, các Bộ, các ngành, các địa phương hướng dẫn các đơn vị cơ sở thuộc quyền thực hiện.

Những cán bộ thi hành sai thông tư này, gây tổn thất cho công quỹ của Nhà nước đều bị xử lý theo tinh thần nghị quyết 228 của Trung ương Đảng và điều 12 của Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa công bố ngày 21-10-1970.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn mắc mưu yêu cầu trao đổi thống nhất với Bộ Lao động đề giải quyết.

Hà-nội, ngày 30 tháng 11 năm 1974

Bộ trưởng Bộ Lao động  
NGUYỄN THỌ CHÂN

BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 22-TC/TDT/KT ngày 18-11-1974 về việc lập quyết toán ngân sách năm 1974.**

Công tác quyết toán ngân sách năm 1973 có tiến bộ so với các năm trước : quyết toán tổng hợp của đơn vị chủ quản được hoàn thành sớm hơn trước từ 1 đến 3 tháng (Bộ Thủy lợi, Bộ Y tế, Tổng cục Thủy sản, Ủy ban Nông nghiệp trung ương v.v...). Một số Bộ, Tổng cục đã bước đầu chú ý thăm tra, xét duyệt quyết toán của các đơn vị trực thuộc (Bộ Giáo dục, Bộ Cơ khí luyện kim, Tổng công ty được, Tòa án nhân dân tối cao, v.v...); đã tiến hành quyết toán theo từng ngành kinh tế kỹ thuật như ngành điện, ngành than, ngành cơ khí... và một số ngành có thuyết minh, phân tích quyết toán.

09667942

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

Tuy nhiên, so với yêu cầu cải tiến và tăng cường quản lý kinh tế — tài chính và so với chế độ Nhà nước đã quy định, thì công tác quyết toán ngân sách năm 1973 nói chung vẫn còn nhiều thiếu sót :

— **Quyết toán còn thiếu chính xác** : chưa phản ánh đúng thực tế, không nhất trí giữa các tài liệu, số liệu liên quan như giữa quyết toán năm trước với năm sau, giữa các báo biểu trong năm quyết toán (Thí dụ : giữa bảng tổng kết tài sản và bảng tăng, giảm tài sản, giữa báo biểu tổng hợp với các báo biểu chi tiết...);

— **Không đầy đủ** : chưa tổng hợp đủ quyết toán của tất cả các đơn vị cơ sở, hồ sơ quyết toán thiếu nhiều báo biểu đã quy định ;

— **Chưa toàn diện** : nhiều đơn vị, nhiều địa phương chưa có thuyết minh quyết toán hoặc thuyết minh rất sơ sài, chưa phân tích sâu sắc đề nêu được những ưu, khuyết điểm trong công tác quản lý ngân sách, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về mặt xây dựng và chấp hành ngân sách Nhà nước và về mặt kế hoạch hóa và quản lý kinh tế — tài chính ;

— **Chưa đảm bảo đúng thời hạn** : Theo điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, các ngành chủ quản phải báo cáo quyết toán hàng năm của ngành cho Bộ Tài chính trong vòng 90 ngày (3 tháng) sau ngày cuối năm. Nhưng nhiều Bộ, Tổng cục còn đề tới tháng 5, tháng 6, thậm chí có ngành, có địa phương đến tận tháng 7, tháng 8 năm 1974 mới gửi quyết toán ngân sách năm 1973 cho Bộ Tài chính.

Tình hình trên đây đã hạn chế chất lượng của quyết toán và tác dụng của quyết toán ngân sách đối với việc cải tiến quản lý kinh tế, tài chính, đồng thời đã ảnh hưởng đến việc tổng hợp của Bộ Tài chính, làm cho việc lập tổng quyết toán ngân sách Nhà nước, đề trình Chính phủ và Quốc hội, không được đầy đủ và kịp thời.

Nguyên nhân tình trạng trên là do :

— Nhận thức về ý nghĩa quan trọng và tác dụng của việc làm quyết toán chưa được quán triệt trong các ngành các cấp ;

— Sự chỉ đạo của các cấp chủ quản, của chính quyền địa phương đối với các đơn vị cơ sở chưa được tăng cường đúng mức ; chưa đề cao trách nhiệm của các đơn vị trong việc thực hiện chế độ báo cáo quyết toán ; thiếu hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ các đơn vị, chưa có sự khen thưởng đối với những đơn vị làm tốt hay thi hành kỷ luật thích đáng với những đơn vị không làm tốt quyết toán ngân sách hàng năm ;

— Tổ chức công việc làm kế toán và quyết toán tại các ngành, các địa phương chưa đi vào nề nếp, chưa thực hiện đúng các quy định

của Nhà nước ; có nơi thiếu cán bộ chuyên trách hoặc cán bộ quá yếu ;

— Cơ quan tài chính các cấp chưa làm tốt chức năng giám đốc, thúc đẩy, giúp đỡ các cơ quan chủ quản ở trung ương và ở các địa phương.

Đề bảo đảm nâng cao chất lượng quyết toán ngân sách năm 1974, góp phần phục vụ yêu cầu cải tiến và tăng cường quản lý kinh tế, tài chính. Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, các ngành, các Ủy ban hành chính khu tự trị và các tỉnh, thành phố lưu ý một số điều sau đây :

1. Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm việc làm quyết toán ngân sách năm 1973 và hướng dẫn, đôn đốc các xí nghiệp, các đơn vị trực thuộc làm tốt quyết toán ngân sách năm 1974 ngay từ ở cơ sở, đảm bảo cho tất cả các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị có thu chi ngân sách đều phải có quyết toán chính xác, đầy đủ, gửi đúng hạn lên cấp trên. Qua việc kiểm điểm này, đề nghị có sự khen thưởng thích đáng đối với đơn vị làm tốt và có thái độ xử trí đúng mức đối với đơn vị không chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật báo cáo quyết toán với Nhà nước.

2. Các đơn vị cấp trên phải thẩm tra, xét duyệt quyết toán của các đơn vị trực thuộc. Cần tổ chức kiểm tra kế toán trước khi xét duyệt quyết toán, kết hợp vừa xét duyệt qua các tài liệu báo cáo kế toán, vừa xét duyệt tại chỗ phải đảm bảo duyệt kỹ nhất là đối với những đơn vị trọng điểm, và có lịch xét duyệt quyết toán của các đơn vị báo cho cơ quan tài chính cùng cấp biết để cử cán bộ cùng tham gia xét duyệt. Đối với những đơn vị, xí nghiệp có nhiều khó khăn, cần cử cán bộ trực tiếp giúp đỡ, để không vì một vài đơn vị này mà ảnh hưởng đến chất lượng quyết toán và việc tổng hợp của toàn ngành.

3. Các đơn vị chủ quản phải bố trí cán bộ đủ năng lực tổng hợp quyết toán của các đơn vị cơ sở theo từng ngành kinh tế kỹ thuật và theo Bộ, kể cả các báo biểu số liệu cơ bản và thuyết minh, phân tích quyết toán tổng hợp theo nội dung đã được hướng dẫn trong bản gợi ý đính kèm công văn số 033-TC/TDT/KT ngày 8-5-1974 của Bộ Tài chính. Đề nghị tập thể lãnh đạo bộ, ngành chủ quản nghiên cứu, nhận xét báo cáo tổng hợp quyết toán của toàn bộ, toàn ngành, trước khi gửi cho Bộ Tài chính.

4. Đối với tổng quyết toán ngân sách địa phương, đề nghị Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố giao trách nhiệm cho sở, ty tài chính tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm việc làm quyết toán ngân sách năm 1973 và bàn với các cơ sở, ty chủ quản biện pháp cụ thể để chấn chỉnh công tác quyết toán ngay từ đơn vị cơ sở, đảm bảo các cơ sở, ty xét duyệt kỹ các quyết toán của các

đơn vị cơ sở như nêu ở điểm 2 trên đây. Mặt khác các sở, ty tài chính phải tổ chức việc thẩm tra, xét duyệt quyết toán của các ngành chủ quản ở địa phương, tổng hợp lên tổng quyết toán ngân sách tỉnh hoặc thành phố, kèm theo các bản thuyết minh phân tích, đề trình tập thể Ủy ban hành chính tỉnh hoặc thành phố xét duyệt trước khi gửi lên Bộ Tài chính.

**5. Về thời hạn gửi quyết toán ngân sách năm 1974:** các đơn vị cấp I (khu vực hành chính sự nghiệp), các đơn vị chủ quản (khu vực sản xuất, kinh doanh, xây dựng cơ bản) và các địa phương cần bảo đảm gửi đầy đủ các loại quyết toán cùng các báo biểu kèm theo đến Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 3 năm 1975 để có đủ tài liệu và thời gian xét duyệt và tổng hợp lên tổng quyết toán ngân sách Nhà nước đề trình Chính phủ thông qua và Quốc hội phê chuẩn đúng thời hạn đã quy định. Ủy ban thường vụ Quốc hội đã chỉ thị là quyết toán hằng năm của ngân sách Nhà nước phải trình Quốc hội xét duyệt trong quý II năm sau.

Đề nghị các Bộ, các Tổng cục, các cơ quan ngang bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các Ủy ban hành chính khu tự trị và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc kiểm tra các đơn vị trực thuộc để công tác quyết toán ngân sách năm 1974 đạt được các yêu cầu nêu trên đây, góp phần thiết thực vào việc tăng cường và cải tiến quản lý kinh tế, tài chính chung.

Hà-nội, ngày 18 tháng 11 năm 1974

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRINH VĂN BÌNH

### TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

**THÔNG TƯ Bưu chính số 11-1974/TT**  
ngày 5-12-1974 quy định cước bưu  
kiện trao đổi với các nước xã hội  
chủ nghĩa.

Căn cứ điều lệ gửi, nhận và chuyển, phát bưu kiện ban hành kèm theo nghị định số 91-CP ngày 2-5-1973 của Hội đồng Chính phủ, quyết định số 229-TTg ngày 21-9-1974 của Thủ tướng Chính phủ ban hành giá cước bưu điện quốc tế; thông tư bưu chính số 8-1974/TT ngày 16-10-1974 của Tổng cục quy định việc mở hai công vụ đặc biệt mới về bưu kiện Phát riêng và Lưu ký.

Tổng cục quy định cước bưu kiện, áp dụng kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1975 như sau:

#### I. Cước chính.

Xem bảng cước chính bưu kiện gửi đi các nước xã hội chủ nghĩa kèm theo thông tư này

#### II. Cước phụ.

##### a) Cước thu ở người gửi bưu kiện:

1. **Cước máy bay** (bưu kiện máy bay chỉ được chấp nhận gửi đi Trung quốc và chỉ chấp nhận tại cơ sở Hà-nội mà thôi). Cước phụ này gồm có hai khoản (cộng gộp lại):

— **Cước đến Nam-ninh:** 0,30 lờ-răng vàng quy tròn ra tiền Việt-nam là sáu hào (0,60 đ) cho từng phần 1000 gam (1 kilôgam) hoặc phần lẻ 1000 gam cuối cùng. (Các bưu kiện máy bay trao đổi với Trung quốc đều phải trả khoản cước này, dù máy bay có bay qua Nam-ninh hay không);

— **Cước nội địa Trung quốc:** 0,75 lờ-răng vàng quy tròn ra tiền Việt-nam là một đồng bốn hào (1,40 đ) cho từng phần 500 gam hoặc phần lẻ 500 gam cuối cùng;

**Vi dụ:** — Một bưu kiện máy bay nặng 1 kg gửi đi Trung quốc, ngoài cước chính 5,80 đ còn phải trả cước phụ máy bay:  $0,60 \text{ đ} + (1,40 \text{ đ} \times 2) = 3,40 \text{ đ}$ ;

— Một bưu kiện máy bay nặng 2,400 kg gửi đi Trung quốc, ngoài cước chính 8,10 đ, còn phải trả cước phụ máy bay:  $(0,60 \text{ đ} \times 3) + (1,40 \text{ đ} \times 5) = 8,80 \text{ đ}$ .

2. **Cước phát riêng:** hai đồng (2 đ), như đã quy định trong thông tư số 8-1974/TT.

##### 3. Cước báo phát:

Yêu cầu báo phát đề ra ngay lúc gửi bưu kiện: một đồng (1 đ);

Yêu cầu báo phát đề ra sau khi gửi bưu kiện: hai đồng (2 đ).

##### b) Cước thu ở người nhận bưu kiện:

1. **Cước lưu ký:** hai hào (0,20 đ), như đã quy định trong thông tư số 8-1974/TT.

2. **Cước xuất trình Hải quan:** hai đồng (2 đ) cho mỗi bưu kiện.

3. **Cước lưu kho:** mỗi ngày một hào (0,10 đ/ngày) cho mỗi bưu kiện, kể từ ngày thứ 31 trở đi, tính từ ngày hôm sau ngày phát giấy báo đầu tiên; mức thu tối đa là: mười đồng (10 đ) cho mỗi bưu kiện.

Các cơ sở bưu điện có mở nghiệp vụ bưu kiện niêm yết tại phòng giao dịch thông tư này và bảng cước chính bưu kiện kèm theo.

Hà-nội, ngày 5 tháng 12 năm 1974

Q. Tổng cục trưởng

Tổng cục Bưu điện

VŨ VĂN QUÝ